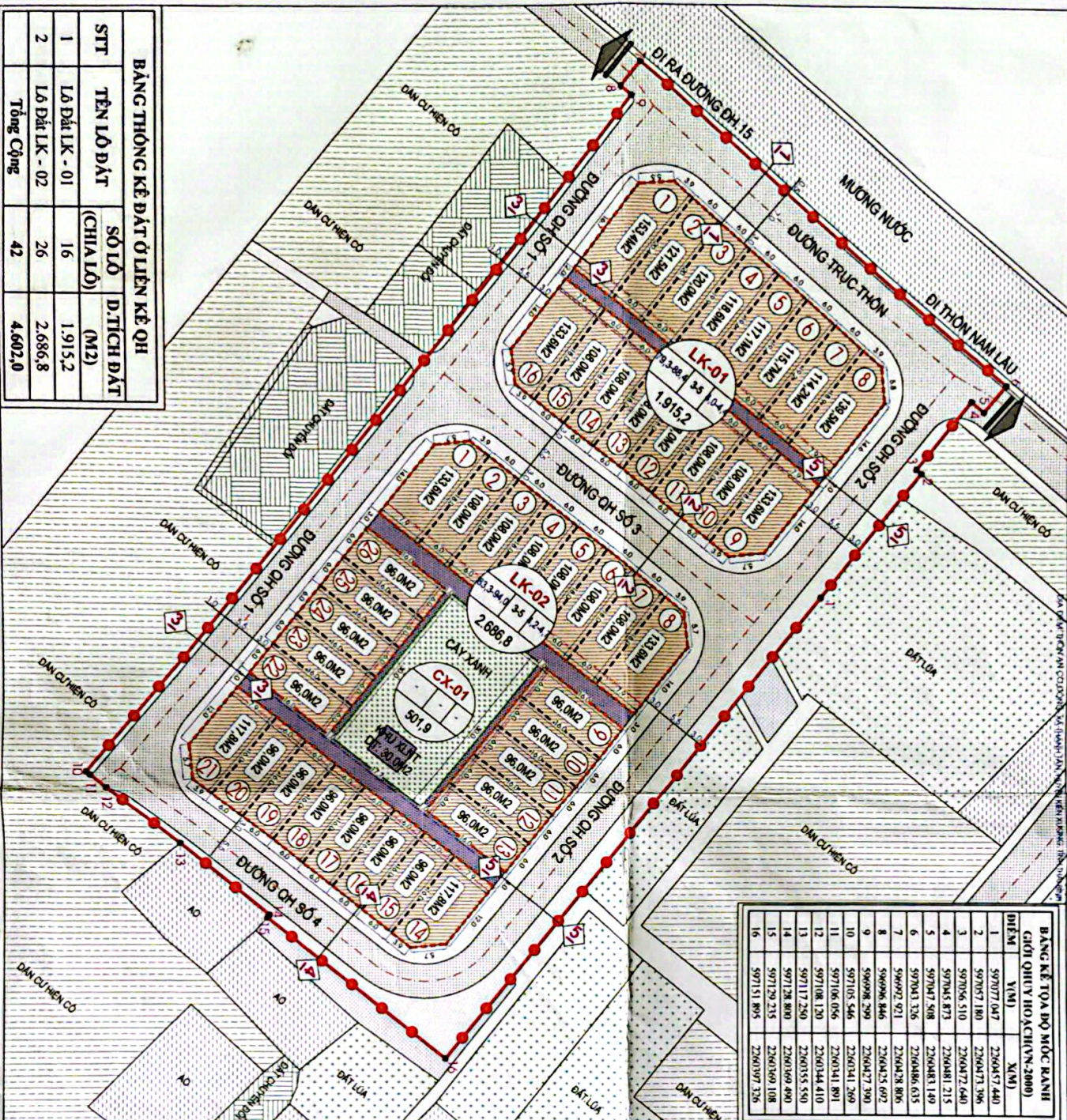


BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



BẢNG KẾT TỌA ĐỘ MỐC BÀNHI GIỚI CHỖ HẠCH(VN,2000)		
ĐIỂM	QUY NHẠC	X(M)
1	59707,047	2260457,440
2	59705,180	2260473,306
3	597056,510	2260472,640
4	597064,873	2260481,215
5	597047,508	2260486,149
6	597043,326	2260485,635
7	596997,921	2260428,806
8	596996,846	2260455,692
9	596996,299	2260427,300
10	597105,546	2260341,269
11	597106,056	2260341,891
12	597108,120	2260344,410
13	597121,250	2260355,550
14	597126,800	2260369,480
15	597129,215	2260369,108
16	597151,895	2260397,326

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT								
STT	Tên loại đất	Mô hình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD (đ/ha)	Tổng SPD (đ/ha)	Hệ số SPD (đ/ha)	Số m ² công đ/ha
1	Đất xây dựng nhà ở dân cư		4.682,0	44,6	88,4	5	4,4	43
	Đất ở khu 1	IX-01	1.915,2					16
2	Đất ở khu 2	IX-02	2.666,8		94,0	5	4,7	36
3	Đất công nghiệp và thương mại	HTXH	961,9	4,9				
	Đất xây dựng và dụng công nghiệp	CT	501,9					
4	Đất công nghiệp và thương mại khác	GX	4.794,3	46,6				
	Đất xây và y nước		503,8	4,9				
	Đất xây và dụng kỹ thuật		300					
			471,3					
TỔNG			10.311,9	100,0				

BẢNG THÔNG KÊ DẤT Ở LIÊN KẾ QH			
STT	TÊN LÔ DẤT	SỐ LÔ	D.TÍCH DẤT
		(CHAI LÔ)	(M ²)
1	Lô Dất LK - 01	16	1.915,2
2	Lô Dất LK - 02	26	2.686,8
	Tổng Cộng	42	4.602,0

KỶ HIỆU

- ĐẤT NHÀ CỎ LIỀN CỎ
- ĐẤT DÂN CỬ HIỆN CỎ
- ĐẤT CÂY NÀM
- ĐẤT LƯA
- ĐẤT CHUỖN DỎI
- MẶT NƯỚC
- ĐẤT HẠ TẦNG
- VẠ THẾ QUỠ HOẠCH
- ĐƯỜNG CAO THƯỜNG
- CỤC SỬA SỬNG
- BÀN HỒ LỎ ĐẤT Ỏ
- BÀN HỒ QUỠ HOẠCH
- Ỏ Ỏ XÂY DỰNG










CO QUẢN LÝ QUỠ HOẠCH

PHẠNG QUỠ HOẠCH

TRƯỜNG PHỎNG

Phạm Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN QUỠ HOẠCH

CHỦ TỊCH

Trần Văn Cường

CO QUẢN LÝ QUỠ HOẠCH

PHẠNG QUỠ HOẠCH

TRƯỜNG PHỎNG

Phạm Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN QUỠ HOẠCH

CHỦ TỊCH

Trần Văn Cường

CO QUẢN LÝ QUỠ HOẠCH

PHẠNG QUỠ HOẠCH

TRƯỜNG PHỎNG

Phạm Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN QUỠ HOẠCH

CHỦ TỊCH

Trần Văn Cường